

# **TAM TÔ HUYỀN QUANG**

(1254 - 1334)

*HT Phước Sơn*

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

*Chuyển sang ebook 30-08-2009*

*Người thực hiện :*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Sư người làng Vạn Tải, lộ Bắc Giang. Thi Tô của Sư là Lý Ôn Hòa, làm quan Hành khiển dưới triều Lý Thần Tông (1128 - 1138). Trải nhiều đời, đến Tô phụ là Tuệ Tô, có công đánh giặc Chiêm Thành, nhưng không chịu ra làm quan, chỉ thích những chuyện hay, sách lạ, và vui thú ruộng vườn. Mẹ Sư là Lê Thị, vốn người hiền đức, bản tính nhân từ, năm 30 tuổi vẫn chưa có con trai. Nhân gặp lúc có bệnh dịch hoành hành, bà đi hái thuốc trên núi Chu Sơn, dừng chân tạm nghỉ tại một ngôi chùa tên Ma Cô Tiên. Trong khi chợp mắt, bỗng mơ thấy một con khỉ lớn, đầu đội mũ triều thiên, mình mặc áo hoàng bào, ôm mặt trời hồng, ném vào lòng bà. Lê Thị kinh hãi thức giấc, thấy lòng rung động, trở về thuật chuyện lại với một thầy đoán mộng. Thầy ấy đoán rằng Lê Thị sẽ hoài thai và sinh ra quý tử. Sau đó không lâu, Thiền sư Tuệ Nghĩa trụ trì chùa Ngọc Hoàng - thuộc làng Vạn Tải - sau giờ tụng kinh, trở về liêu phòng, tựa án Thiền định, bỗng mơ thấy các tòa trong chùa đèn chong sáng rực, chư Phật tôn nghiêm, Kim cương, Long thần đông đúc la liệt. Đức Phật chỉ Tôn giả A-Nan bảo: "Người hãy tái sinh xuống Đông độ xiển dương Chánh pháp". Bỗng chú tiểu gõ cửa, Tuệ Nghĩa chợt tỉnh, trong lòng lâng lâng hoan hỷ.

Năm ấy Sư ra đời (1254). Khi sanh có ánh sáng mờ ảo, mùi hương thơm nức nhà. Trước đó Lê Thị hoài thai Sư đến 12 tháng mà bụng không chuyển động, bà nghi bị bệnh, nên tìm thuốc uống phá thai, uống đến bốn lần mà thai vẫn không hư. Lúc mới sinh ra, Sư đã là một đứa bé bụ bẫm, rắn chắc, cha mẹ rất yêu quý. Đến tuổi đồng ấu, dung mạo dị thường, có chí khí của bậc

siêu phàm trác việt, nghe một biết mười, lại có tài như Nhan Hồi Á thánh, nên được đặt tên là Tải Đạo.

Năm 20 tuổi (1273), Sư trúng tuyển khoa thi Hương, đến năm sau lại đậu thủ khoa tại khoa thi Hội. Vua định gả công chúa Liễu Nữ (cháu của An Sinh vương), nhưng Sư từ chối. Khi làm quan, Sư phụng mệnh tiếp sứ giả phương Bắc; trong các văn thư trao đổi, Sư trích dẫn kinh nghĩa rất tinh tường và ứng đối lưu loát như nước chảy. Văn chương và ngôn ngữ hơn cả Trung Quốc và các lân bang. Chính tay Điều Ngự từng phê vào tác phẩm Thích Khoa Giáo của Sư; "Phàm kinh sách đã qua tay Huyền Quang biên soạn và hiệu đính thì không thể thêm hay bớt một chữ nào nữa".

Năm 1305, nhân đi theo Anh Tông (1293 - 1314) đến chùa Vĩnh Nghiêm, thấy Quốc sư Pháp Loa (1284 - 1330) đang hành đạo, lòng sinh ngưỡng mộ, nhớ lại duyên xưa, liền cảm thán: "Làm quan lên Bồng Đảo, đắc đạo đến Phổ Đà, trên cõi nhân gian là tiên, cảnh giới Tây phương là Phật. Phú quý vinh hoa nào khác mây trắng mùa hạ, lá vàng mùa thu, có lâu đài chi mà lưu luyến mãi!". Nhân đó, dâng biểu từ quan, đến chùa Vũ Ninh xuất gia, thọ giới với Bảo Phác (\*). Sau đó, Sư phụng mệnh đến trụ trì chùa Vân Yên núi Yên Tử, mở trường dạy học. Tăng, Ni theo học đông đến số nghìn Điều Ngự lại sai Sư biên soạn Chư Phẩm Kinh và các sách khác.

Nghĩ đến công ơn sinh thành dưỡng dục sâu dày của cha mẹ mà chưa có dịp báo đáp, Sư trở về làng lập một ngôi chùa đặt tên là Đại Bi, rước cha mẹ về nghỉ ở đây để an dưỡng tuổi già. Xong việc, Sư trở về chùa ngay tiếp tục công việc hành đạo.

---o0o---

## NỖI OAN THỊ BÍCH

Tương truyền một hôm vua nói với các quan: "Người ta sinh ra trong khoảng trời đất này, chịu sự chi phối của âm dương, thích ăn ngon, ưa mặc đẹp, lòng ham muốn ấy bọn chúng ta đều đủ cả. Có lẽ chỉ một mình thầy Huyền Quang là không như thế chẳng? Từ khi sinh đến giờ vẫn sắc sắc không không, như nước không sóng, như gương không bụi, phải chăng do thầy đè nén lòng dục hay là không có dục vọng?". Bỗng nhiên quan văn nhất sinh học sĩ, lưỡng quốc Trạng nguyên là Mạc Đĩnh Chi ứng tiếng:

- "Vẽ cọp, vẽ da, xương khó vẽ,

Biết người, biết mặt, biết đầu lòng".

(Họa hổ, họa bì, nan họa cốt,

Tri nhân, tri diện, bất tri tâm),

xin hãy thí nghiệm rồi sẽ rõ.

Vua cho là phải, liền ngầm sai người cung nữ tên Điềm Bích, hiệu Tam Nương, tuổi dưới hai mươi có nhan sắc kiều diễm lại có tài ứng đối lanh lợi, đến chùa Vân Yên thử thách Thiền sư.

Trước lúc ra đi, vua căn dặn Điềm Bích: "Vị Tăng ấy vốn không ưa sắc dục, tính tình lại cương trực, giới hạnh rất cao nghiêm. Người vừa có nhan sắc, vừa có tài ăn nói, lại thông hiểu sử kinh, vậy hãy đến thử vị ấy. Nếu thấy Thầy còn quyền luyến tình dục hãy dụ lấy cho được Kim tử mang về làm bằng chứng, sẽ được trọng thưởng. Nếu man trá thì bị tội, người phải cẩn thận".

Thị Bích vâng lệnh, đem theo một tỳ nữ, đến thẳng chùa Vân Yên, gặp một Ni sư già, nhờ bà tiến dẫn tới Quốc sư, để xin xuất gia học đạo. Ni sư già sai Thị Bích hằng ngày dâng trà nước lên Sư. Sư thấy Thị Bích có cử chỉ nguyệt hoa, không phải là người Phật tử chân chính cầu đạo, bèn gọi Ni sư lên quở. Thị Bích thấy Thiền sư giới hạnh uy nghiêm, khó dùng sắc đẹp chinh phục, liền nảy sinh một kế: Đêm ấy Bích nói với vị Ni sư rằng mình là con nhà thi lễ khoa bảng, vì cha thu thuế xong bị kẻ cướp cướp mất, không lấy gì để nạp cho triều đình. Đến kỳ hạn mà không chạy đủ số tiền thì không những ông bị tội mà cả vợ con cũng sẽ liên lụy. Ni sư già đem câu chuyện ấy thuật lại với đại chúng, ai cũng thương tình. Quốc sư định về triều điều trần xin tội cho cha Thị Bích. Nhưng có một chú tiểu nói: "Pháp luật là việc công của thiên hạ, để mất của công thì phải chịu tội, chúng ta không vì tình riêng mà can thiệp. Như vậy thì Pháp luật còn cò nghĩa gì, tốt hơn là nên quyền tiền giúp họ mà thôi". Huyền Quang cho là phải, liền lấy Kim tử vua ban, đưa cho Thị Bích. Tăng, Ni ai có tiền cũng đều đem cho.

Bích được Kim tử, trở về cung bàn bịa chuyện như sau cho vua nghe:

- Thiếp đến chùa Vân Yên, giả làm người xuất gia, vị Ni sư già cho thiếp bưng trà nước hầu Sư. Trải hơn một tháng mà Sư chưa từng nhìn hỏi đến

thiếp. Một hôm kia Sư lên chánh điện tụng kinh, rồi cùng đại chúng lui về phòng an nghỉ. Đến canh ba, thiếp lên tới Thiên thất để nghe động tĩnh, bỗng nghe Sư ngâm kệ như sau:

"Văng vặc trăng mai ánh nước,

Hiu hiu gió trúc ngâm sênh.

Người hòa tươi tốt cảnh hòa lạ,

Mâu Thích-ca nào thử hữu tình".

Sư ngâm đi ngâm lại tới ba lần. Thiếp mới vào phòng từ biệt Sư, hẹn năm tới sẽ trở lên xin học đạo. Sư lưu thiếp lại một đêm tặng thiếp Kim tử.

Vua nghe nói, lòng bồi hồi không vua, than rằng: "Việc này nếu quả có thực thì chính ta là người giăng lưới bắt chim; còn nếu như không, thì cũng khó tránh khỏi mối ngờ (ngồi xổ giày nơi đám ruộng dưa)". Vua liền mở đại hội Vô Già, trên bàn cúng bày biện đủ loại, cà-sa, pháp y, ngũ phẩm, lẫn lộn với đồi mồi, vàng bạc, châu ngọc v.v... rồi sai người thỉnh Huyền Quang đến chủ lễ. Chứng kiến cảnh tượng ấy, Huyền Quang biết mình bị nghi oan, liền ngửa mặt lên trời thở một hơi dài, rồi lên đàn ba lượt, xuống đàn ba lượt, vọng bái Thánh Hiền mười phương, tay trái cầm bình bạch ngọc, tay phải cầm nhánh dương xanh, mặc niệm thần chú, tẩy tịnh khắp trên dưới pháp điện. Bỗng thấy một đám mây đen hiện lên, bụi bay đầy trời mù mịt. Một lát bầu trời quang tạnh, mọi thứ tạp vật trên pháp điện đều bị cuốn bay đi hết, chỉ còn hương hoa và lục cúng. Những người xem hội ai nấy đều thất sắc kinh hoàng. Vua thấy pháp hạnh của Sư thấu cả trời đất, liền rời chỗ ngồi lay xuống để tạ lỗi. Rồi phạt Thị Bích bắt quét tước một ngôi chùa trong cung Cảnh Hưng. Từ đó vua càng thêm tôn kính, gọi Sư là Tự Pháp.

Sau đó Sư đến ở Thanh Mai sáu năm, rồi về trụ trì chùa Tư Phúc ở Côn Sơn, lập ra đài Cửu Phẩm Liên Hoa, và soạn lại Chư Phẩm Kinh để lưu truyền hậu thế.

Sư viên tịch ngày 23 tháng giêng năm Giáp tuất (1334) tại Côn Sơn, đến ngày 24 tin tức mới về làng Vạn Tải, nên dân làng lấy ngày này làm ngày giỗ Sư. Vua Minh Tông cúng dường vật liệu, bảo môn đồ xây tháp cho Sư ở phía sau chùa, và ban thụy hiệu là Trúc Lâm Đệ Tam Đại Tự Pháp Huyền Quang Tôn Giả.

Tác phẩm của Huyền Quang gồm có:

1. Chư Phẩm Kinh: Tuyển tập những phẩm kinh thiết yếu.
2. Công Văn Tập: Tuyển tập những văn sớ điệp dùng trong các nghi lễ Phật giáo.
3. Thích Khoa Giáo: Tập sách giáo khoa về Phật học.
4. Ngọc Tiên Tập: Tập thơ tuyển.

Những tác phẩm trên hiện nay đều đã thất lạc, chỉ còn lại 24 bài thơ và một bài phú Nôm là Vịnh Vân Yên tự phú.

---

(\*) Bản Hạnh Ngữ Lục nói Sư thọ giáo với Pháp Loa là nhầm.

---o0o---

Hết